

Số: **55** /2024/TT-BCA

Hà Nội, ngày **31** tháng **10** năm 2024

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2020/TT-BCA ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân; Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành; Thông tư số 82/2021/TT-BCA ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, tập huấn, kiểm tra nghiệp vụ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Thông tư số 06/2022/TT-BCA ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2020/TT-BCA ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân; Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành; Thông tư số 82/2021/TT-BCA ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, tập huấn, kiểm tra nghiệp vụ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Thông tư số 06/2022/TT-BCA ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2020/TT-BCA ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân (sau đây viết gọn là Thông tư số 141/2020/TT-BCA)

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:

“b) Kiểm tra trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở; kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ sở, khu dân cư, hộ gia đình, hộ gia đình kết hợp sản xuất kinh doanh theo nội dung quy định tại các Điều 5, 6 và Điều 7 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (sau đây viết gọn là Nghị định số 136/2020/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy (sau đây viết gọn là Nghị định số 50/2024/NĐ-CP).”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện căn cứ biên chế cán bộ và yêu cầu công tác nghiệp vụ quyết định việc phân công cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 141/2020/TT-BCA để thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, quản lý địa bàn, cơ sở.

Việc phân công cán bộ kiểm tra phải bảo đảm quản lý hết địa bàn, cơ sở được phân cấp quản lý và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra bảo đảm theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 2 Điều 10 như sau:

“b) Kiểm tra theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 8 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP;

c) Lập biên bản kiểm tra theo mẫu PC10 quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP. Biên bản kiểm tra được lập ít nhất 02 bản và giao cho đối tượng kiểm tra 01 bản, lưu hồ sơ 01 bản và giao đơn vị có liên quan 01 bản (nếu có);”.

4. Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b và điểm d khoản 1 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 1 như sau:

“a) Các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 9 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP;

b) Vi phạm quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy mà có nguy cơ phát sinh cháy, nổ theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 8 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Khi cơ sở kinh doanh về sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy, cơ sở kinh doanh về tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy có dấu hiệu vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy hoặc lợi dụng hoạt động phòng cháy và chữa cháy để xâm phạm an ninh, trật tự bị cơ quan có thẩm quyền kiến nghị xử lý.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành (sau đây viết gọn là Thông tư số 150/2020/TT-BCA)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ trang bị cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành được quy định tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở căn cứ vào tính chất, đặc điểm hoạt động, sản xuất, kinh doanh và yêu cầu của công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở để xem xét, quyết định số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này và xem xét, quyết định trang bị cụ thể loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho các chức danh của lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành khi thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Ngoài danh mục phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành quy định tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm về cháy, nổ tại cơ sở và khả năng bảo đảm kinh phí, có thể quyết định việc trang bị thêm cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý các loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cần thiết khác quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 82/2021/TT-BCA ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, tập huấn, kiểm tra nghiệp vụ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (sau đây viết gọn là Thông tư số 82/2021/TT-BCA)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Đối tượng tập huấn:

a) Lãnh đạo phòng, chỉ huy đội, cán bộ thực hiện công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

b) Lãnh đạo phòng, chỉ huy đội, cán bộ được dự kiến phân công thực hiện công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Kiểm tra lần đầu đối với chỉ huy đội, cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 82/2021/TT-BCA và đã được tập huấn theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 82/2021/TT-BCA.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2022/TT-BCA ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân (sau đây viết gọn là Thông tư số 06/2022/TT-BCA)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quy trình thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ do sĩ quan, hạ sĩ quan Công an (gọi chung là cán bộ, chiến sĩ) thực hiện trong Công an nhân dân, bao gồm: Thẩm duyệt thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy; cấp, cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; cấp, cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy, Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy; cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện thủy nội địa, đường sắt; phê duyệt phương án chữa cháy cơ sở; phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.”

2. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Về hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 6, 7 và khoản 8 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 5 Điều 1, khoản 1, 2, 3 và khoản 5 Điều 4, điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (sau đây viết gọn là Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) hoặc thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn điện thoại trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Lãnh đạo, chỉ huy đơn vị, bộ phận được phân công thực hiện công tác thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phân công cán bộ thực hiện bằng Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BCA hoặc trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cán bộ được phân công giải quyết hồ sơ có trách nhiệm nghiên cứu, đối chiếu hồ sơ đã tiếp nhận theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP với các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy và thực hiện các bước sau:

a) Dự thảo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản thông báo nộp phí thẩm định phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (nếu có), báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký trong trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và điểm g mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b, c, d, đ mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp đề xuất từ chối giải quyết hồ sơ: Dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, e và điểm g mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b, c, e mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sau khi Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được duyệt, ký, thực hiện lấy số, đóng dấu văn bản theo quy định, đóng dấu đã thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC08 quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

c) Bàn giao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy kèm theo hồ sơ được đóng dấu “Đã thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy” và văn bản thông báo nộp phí thẩm định phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (nếu có) hoặc văn bản trả lời kèm theo hồ sơ đã nộp trước đó cho bộ phận trả kết quả.”.

3. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Về hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 4, 5 và khoản 6 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1, khoản 1, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP hoặc thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn điện thoại trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Lãnh đạo, chỉ huy đơn vị, bộ phận được phân công thực hiện công tác kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy phân công cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ bằng Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BCA hoặc trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cán bộ được phân công giải quyết hồ sơ thực hiện các bước sau:

a) Đề xuất nội dung, thời gian, thành phần đoàn kiểm tra, dự thảo kế hoạch kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, dự thảo văn bản thông báo cho chủ đầu tư, chủ phương tiện và các đơn vị có liên quan, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký và thông báo cho chủ đầu tư, chủ phương tiện giao thông cơ giới và cơ quan, đơn vị có liên quan;

b) Khi thực hiện kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, cán bộ, chiến sĩ thực hiện các công việc bao gồm: Giới thiệu thành phần đoàn kiểm tra, thông báo nội dung, kế hoạch kiểm tra liên quan đến công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về phòng cháy và chữa cháy; tiến hành kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và thông qua nội dung kiểm tra theo Mẫu số PC10 Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP;

c) Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu, dự thảo văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký trong trường hợp đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, d và điểm e mục 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b, c, d mục 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

Trong trường hợp không đạt yêu cầu thì dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, đ và điểm e mục 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b, c, đ mục 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Sau khi văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời được duyệt, ký, thực hiện lấy số, đóng dấu văn bản theo quy định;

đ) Bàn giao văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời cho bộ phận trả kết quả.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy

1. Hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và khoản 8 Điều 38 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 13 Điều 1, các khoản 1, 2, 3 và khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP hoặc thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn điện thoại trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ lập và ghi đầy đủ thông tin vào Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BCA, báo cáo người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký và bàn giao hồ sơ đến đơn vị, bộ phận được giao giải quyết, trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến quy định tại điểm b khoản 6 Điều 38 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 và khoản 5 Điều 4 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

3. Lãnh đạo, chỉ huy đơn vị được phân công thực hiện cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy phân công cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ bằng Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BCA hoặc trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an.

4. Cán bộ, chiến sĩ được phân công giải quyết hồ sơ thực hiện các bước sau:

a) Kiểm tra thành phần hồ sơ, tính pháp lý và sự phù hợp của các tài liệu có trong hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP;

b) Kiểm tra, đối chiếu nội dung biên bản kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy, kết quả thử nghiệm và các tài liệu có trong hồ sơ với các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc yêu cầu về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy;

c) Căn cứ kết quả kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, dự thảo Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC29 Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP, văn bản thông báo chi phí in tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy, đăng ký số tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy và ghi đầy đủ vào Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký trong trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, đ và điểm e mục 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp đề xuất từ chối giải quyết hồ sơ: Dự thảo văn bản trả lời về kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, d và điểm e mục 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Sau khi Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời được duyệt, ký, thực hiện lấy số, đóng dấu văn bản theo quy định; dự thảo văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy về việc phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức dán tem kiểm định lên phương tiện theo Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy đã cấp, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký;

đ) Bàn giao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời về kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho bộ phận trả kết quả;

e) Phối hợp với cơ quan, tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy và đơn vị chức năng có liên quan tổ chức dán tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

5. Lập và lưu trữ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo quy định về hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, các điểm d, đ, e và điểm g khoản 4 và khoản 5 Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ cấp, cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 7, 8, 9 và khoản 10 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 12 Điều 1, điểm b khoản 2 Điều 2, các khoản 1, 2, 3 và khoản 5 Điều 4, điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP hoặc thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn điện thoại trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d, đ, e và điểm g khoản 4 như sau:

“d) Đối với việc cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ: Đối chiếu thông tin của người được đề nghị cấp lại trong văn bản đề nghị với hồ sơ cấp Chứng nhận huấn luyện đã được cấp trước đó;

đ) Căn cứ kết quả kiểm tra, đánh giá kết quả, đối chiếu hồ sơ và dự thảo Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với nội dung đề nghị theo Mẫu số PC35 Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP cho cá nhân, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký trong trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, d, e và điểm g mục 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp đề xuất từ chối giải quyết hồ sơ: Dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và điểm g mục 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc văn bản trả lời được duyệt, ký thì thực hiện lấy số, đóng dấu theo quy định;

g) Bàn giao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc văn bản trả lời cho bộ phận trả kết quả.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Lập và lưu trữ hồ sơ cấp, cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định về hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7 và khoản 8 Điều 44 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, điểm b khoản 16 Điều 1, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cán bộ, chiến sĩ được phân công giải quyết hồ sơ có trách nhiệm nghiên cứu, đối chiếu hồ sơ đã tiếp nhận với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 15 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP và thực hiện các bước:

a) Dự thảo Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC32 Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký trong trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, d và điểm e mục 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp đề xuất từ chối giải quyết hồ sơ: Dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, đ và điểm e mục 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sau khi Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời được duyệt, ký thì thực hiện lấy số, đóng dấu theo quy định;

c) Bàn giao Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời cho bộ phận trả kết quả.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và khoản 9 Điều 45 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại các điểm a, b, c, d và điểm đ khoản 17 Điều 1, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cán bộ, chiến sĩ được phân công giải quyết hồ sơ có trách nhiệm nghiên cứu, đối chiếu hồ sơ đã tiếp nhận với nội dung quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, khoản 14 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP và thực hiện các bước:

a) Dự thảo Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC34 Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký trong trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, d và điểm e mục 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp đề xuất từ chối giải quyết hồ sơ: Dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, đ và điểm e mục 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sau khi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời được duyệt, ký thì thực hiện lấy số, đóng dấu theo quy định;

c) Bàn giao Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời cho bộ phận trả kết quả.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm a và điểm b khoản 4 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 9 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa (sau đây viết gọn là Nghị định số 34/2024/NĐ-CP).

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện thủy nội địa, đường sắt không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP hoặc thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn điện thoại và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 4 như sau:

“a) Kiểm tra thành phần hồ sơ, nội dung của các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện thủy nội địa theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 34/2024/NĐ-CP và hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ trên đường sắt theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP;

Đề xuất nội dung, thời gian, thành phần đoàn kiểm tra (nếu có), dự thảo kế hoạch kiểm tra, văn bản thông báo kiểm tra, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký và gửi cho đơn vị đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ. Trường hợp ủy quyền cho cơ quan, đơn vị Công an cấp dưới thực hiện kiểm tra về điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện vận chuyển thì trong dự thảo kế hoạch kiểm tra, văn bản thông báo kiểm tra phải thể hiện cụ thể và gửi thông tin cho cơ quan, đơn vị Công an cấp dưới biết để tổ chức thực hiện;

Thực hiện quy định tại khoản 7 Điều 9 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP để tổ chức kiểm tra về điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện vận chuyển theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP căn cứ thực tiễn, thẩm quyền, yêu cầu công tác, điều kiện bảo đảm có thể ủy quyền cho cơ quan, đơn vị Công an cấp dưới thực hiện kiểm tra về điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện vận chuyển theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi kết quả kiểm tra về cơ quan có thẩm quyền để xem xét, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định;

b) Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, kiểm tra điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ, dự thảo Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ theo Mẫu số PC05 và Biểu trưng hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ theo Mẫu số PC01 Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký trong trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và điểm h mục 7 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp đề xuất từ chối giải quyết hồ sơ: Dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g và điểm h mục 7 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án chữa cháy cơ sở thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 và khoản 8 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 11 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

Trường hợp phương án chữa cháy cơ sở không thuộc thẩm quyền phê duyệt, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP hoặc thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn điện thoại trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cán bộ, chiến sĩ được phân công giải quyết hồ sơ thực hiện các bước sau:

a) Xác định sự phù hợp của nội dung phương án chữa cháy với loại hình cơ sở đề nghị phê duyệt và nội dung quy định tại Mẫu số PC17 Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP;

b) Lập bảng đối chiếu để kiểm tra, đánh giá các nội dung trong phương án chữa cháy với các yêu cầu và nội dung trong phần hướng dẫn ghi phương án chữa cháy tại Mẫu số PC17 Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP;

c) Căn cứ kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý phê duyệt phương án chữa cháy trong trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c và điểm đ mục 8 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp đề xuất từ chối giải quyết hồ sơ: Dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, d và đ mục 8 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Sau khi phương án chữa cháy cơ sở được phê duyệt hoặc văn bản trả lời được duyệt, ký thì thực hiện việc lấy số, đóng dấu theo quy định;

đ) Bàn giao phương án chữa cháy cơ sở đã được phê duyệt hoặc văn bản trả lời cho bộ phận trả kết quả.”.

Điều 5. Ban hành kèm theo Thông tư này các Phụ lục

1. Phụ lục I: Danh mục thành phần hồ sơ trình ký về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân.

2. Phụ lục II: Danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho 01 đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.

3. Phụ lục III: Danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho 01 đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số cụm từ và bãi bỏ Phụ lục, một số điểm, khoản thuộc các điều trong Thông tư

1. Bãi bỏ cụm từ “an toàn” sau cụm từ “Thực hiện kiểm tra” tại điểm đ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 141/2020/TT-BCA.

2. Bãi bỏ Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 150/2020/TT-BCA.

3. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư số 82/2021/TT-BCA.

4. Bãi bỏ khoản 2 Điều 13 và các mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Phụ lục danh mục thành phần hồ sơ trình ký về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BCA.

5. Bổ sung cụm từ “hoặc quý hoặc năm” vào sau cụm từ “được lập theo tháng” tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 141/2020/TT-BCA.

6. Thay thế cụm từ “và bàn giao hồ sơ đến đơn vị, bộ phận được giao giải quyết” bằng cụm từ “và bàn giao hồ sơ đến đơn vị, bộ phận được giao giải quyết, trừ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến” tại khoản 2 các Điều 5, 6, 8, 9, 10, 11 và Điều 12 Thông tư số 06/2022/TT-BCA.

7. Thay thế cụm từ “phương án chữa cháy của cơ sở” bằng cụm từ “phương án chữa cháy cơ sở” tại Điều 12 Thông tư số 06/2022/TT-BCA.

8. Thay thế cụm từ “Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (sau đây viết gọn là Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)” tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 150/TT-BCA bằng cụm từ “Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP”.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16. tháng 12 năm 2024.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C07.



Đại tướng Lương Tam Quang

PHỤ LỤC I
**DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ TRÌNH KÝ VỀ PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN**
(Kèm theo Thông tư số: 55/2024/TT-BCA ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an)

- 1. Hồ sơ trình ký thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy**
 - a) Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;
 - b) Báo cáo thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;
 - c) Bảng đối chiếu thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;
 - d) Dự thảo giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;
 - đ) Dự thảo văn bản thông báo phí thẩm định phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (đối với trường hợp có thu phí);
 - e) Dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do;
 - g) Phiếu tiếp nhận hồ sơ và các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ của chủ đầu tư đã nộp trước đó.
- 2. Hồ sơ trình ký kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy**
 - a) Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;
 - b) Báo cáo kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;
 - c) Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;
 - d) Dự thảo văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;
 - đ) Dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do;
 - e) Phiếu tiếp nhận hồ sơ và các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ của chủ đầu tư đã nộp trước đó.
- 3. Hồ sơ trình ký cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy**
 - a) Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;
 - b) Báo cáo, đề xuất kết quả kiểm tra, đối chiếu hồ sơ;
 - c) Dự thảo Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy;
 - d) Dự thảo văn bản trả lời về kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị kiểm định, cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy;
 - đ) Dự thảo văn bản thông báo chi phí in tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy;
 - e) Phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu có trong hồ sơ do cơ quan, tổ chức đã nộp trước đó.

4. Hồ sơ trình ký cấp, cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

- a) Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;
- b) Báo cáo đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ;
- c) Bản đánh giá kết quả huấn luyện;
- d) Dự thảo Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo mẫu số PC35 Phụ lục IX kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP (phù hợp với nội dung huấn luyện hoặc đề nghị cấp lại);
- đ) Dự thảo văn bản trả lời;
- e) Kế hoạch tổ chức huấn luyện đã được phê duyệt (nếu có);
- g) Phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các tài liệu có trong hồ sơ do cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp trước đó.

5. Hồ sơ trình ký cấp, cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy

- a) Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;
- b) Báo cáo, đề xuất kết quả kiểm tra hồ sơ, đối chiếu hồ sơ lưu trữ;
- c) Bảng kiểm tra, đối chiếu điều kiện cấp Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy (nếu có);
- d) Dự thảo Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC32 Phụ lục IX kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP;
- đ) Dự thảo văn bản trả lời;
- e) Phiếu tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục về phòng cháy và chữa cháy và các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ đã nộp trước đó.

6. Hồ sơ trình ký cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy

- a) Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;
- b) Báo cáo đề xuất kết quả kiểm tra hồ sơ, đối chiếu hồ sơ lưu trữ;
- c) Bảng kiểm tra, đối chiếu điều kiện cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (nếu có);
- d) Dự thảo Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC34 Phụ lục IX kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP;
- đ) Dự thảo văn bản trả lời;
- e) Phiếu tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục về phòng cháy và chữa cháy và các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ đã nộp trước đó.

7. Hồ sơ trình ký cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa, đường sắt

- a) Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;
- b) Báo cáo đề xuất nội dung, thời gian, thành phần đoàn kiểm tra về điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ (nếu có);
- c) Kế hoạch kiểm tra, văn bản thông báo kiểm tra cho đơn vị đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ (nếu có);
- d) Biên bản kiểm tra theo Mẫu số PC10 Phụ lục IX kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP (nếu có);
- đ) Báo cáo, đề xuất về việc cấp/không cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ;
- e) Dự thảo Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ theo Mẫu số PC05 và biểu trưng hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ theo Mẫu số PC01 Phụ lục IX kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP;
- g) Dự thảo văn bản trả lời;
- h) Phiếu tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục về phòng cháy và chữa cháy và các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ đã nộp trước đó.

8. Hồ sơ trình ký phê duyệt phương án chữa cháy cơ sở

- a) Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;
- b) Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ;
- c) Bảng đối chiếu kiểm tra, đánh giá phương án chữa cháy;
- d) Dự thảo văn bản trả lời;
- đ) Phiếu tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục về phòng cháy và chữa cháy và các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ do cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp trước đó.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC, SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN
PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRANG BỊ
CHO 01 ĐỘI PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY CƠ SỞ
(Kèm theo Thông tư số: 55/2024/TT-BCA ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an)

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG		ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
		Cơ sở thuộc Phụ lục II Nghị định số 50/2024/NĐ-CP	Cơ sở còn lại thuộc Phụ lục III Nghị định số 50/2024/NĐ-CP		
1	Thiết bị chiếu sáng cá nhân (Đèn pin độ sáng 200 lm, chịu nước IPX5)	02	01	Chiếc	Hỏng thay thế
2	Rìu (trọng lượng 2 kg, cán dài 90 cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao)	02	01	Chiếc	Hỏng thay thế
3	Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100 cm)	01	01	Chiếc	Hỏng thay thế
4	Búa (thép cacbon cường độ cao, nặng 5 kg, cán dài 50 cm)	01	01	Chiếc	Hỏng thay thế
5	Kìm (dài 60 cm, tải cắt 60 kg)	01	01	Chiếc	Hỏng thay thế
6	Thang chữa cháy (dài tối thiểu 3,5m; bảo đảm chịu được tải trọng tối thiểu 150kg)	01	01	Chiếc	Hỏng thay thế
7	Thiết bị phục vụ sơ cấp cứu người bị nạn (Túi sơ cứu loại A theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế)	01		Túi	Hỏng thay thế
8	Hệ thống thông tin vô tuyến (Bộ đàm cầm tay đáp ứng tiêu chuẩn IP54)	02		Chiếc	Hỏng thay thế

PHỤ LỤC III
DANH MỤC, SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN
PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRANG BỊ
CHO 01 ĐỘI PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY CHUYÊN NGÀNH
(Kèm theo Thông tư số: 55/2024/TT-BCA ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an)

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1	Thiết bị chiếu sáng cá nhân (Đèn pin độ sáng 300 lm, chịu nước IPX5)	03	Chiếc	Hỏng thay thế
2	Rìu (trọng lượng 02 kg, cán dài 90 cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao)	02	Chiếc	Hỏng thay thế
3	Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100 cm)	01	Chiếc	Hỏng thay thế
4	Búa (thép cacbon cường độ cao, nặng 5kg, cán dài 50 cm)	01	Chiếc	Hỏng thay thế
5	Kìm (dài 60 cm, tải cắt 60 kg)	01	Chiếc	Hỏng thay thế
6	Dây cứu người (dài 30 m, sợi polyester, chống nước, chống cháy, chịu nhiệt; tải trọng 500 kg; lực kéo đứt 100 KN)	02	Cuộn	Hỏng thay thế
7	Thang chữa cháy (dài tối thiểu 3,5m; bảo đảm chịu được tải trọng tối thiểu 150kg)	01	Chiếc	Hỏng thay thế
8	Thiết bị phục vụ sơ cấp cứu người bị nạn (Túi sơ cứu loại B Theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế)	01	Hộp	Hỏng thay thế
9	Hệ thống thông tin vô tuyến (Bộ đàm cầm tay đáp ứng tiêu chuẩn IP55)	02	Chiếc	Hỏng thay thế